



V-E TRASLATION-DỊCH VIỆT ANH

No	Vietnamese	English
1	Tôi thường ngủ dậy lúc 6 giờ mỗi sáng.	<i>I often get up at 6 'clock every morning.</i>
2	Anh ấy chơi đàn piano hai lần một tuần.	
3	Mẹ tôi không bao giờ xem Tivi vào buổi sáng.	
4	Chúng tôi hiếm khi đi học vào chủ nhật.	
5	Bố tôi đi làm từ 9 giờ sáng đến 5 giờ chiều mỗi ngày.	
6	Peter đánh răng hai lần một ngày.	
7	Mẹ tôi thường đi siêu thị vào cuối tuần.	
8	David thường chơi bóng đá vào buổi chiều.	
9	Tôi không bao giờ đi học muộn.	
10	Bố tôi thường uống café vào buổi sáng.	
11	Em trai tôi và tôi thường xuyên nghe nhạc vào buổi tối.	
12	Cô ấy không bao giờ đi ra ngoài vào ban đêm.	
13	Chúng tôi đến thăm ông bà một	

	tuần một lần.	
14	Mary không bao giờ đi bộ vào buổi tối.	
15	Bố mẹ tôi luôn luôn uống trà vào mỗi buổi sáng.	
16	Linda thường đi ngủ vào 10 giờ tối.	
17	Chị gái tôi không bao giờ làm bài tập về nhà vào thứ bảy.	
18	Peter và Mary hiếm khi giúp đỡ mẹ của họ.	
19	Cô ấy không ăn vào buổi tối.	
20	Họ không thích táo.	
21	Ông tôi thì thoải mái đi bộ vào cuối tuần.	
22	Bố tôi không bao giờ đi làm vào chủ nhật.	
23	Họ thường xem tivi vào buổi tối.	
24	Chúng tôi có môn tiếng anh hai lần một tuần.	
25	Chúng tôi làm bài tập về nhà mỗi ngày.	
26	Bố bạn đi làm bằng ô tô không? Không.	Does your father go to work by car? No, he doesn't
27	Bạn thích Toán không? Có.	
28	Họ đi học vào chủ nhật không? Không.	